Cấu trúc câu Tiếng Anh được dùng trong các tài liệu lập trình thường tuân theo một số quy tắc cơ bản như sau:

- Sử dụng động từ ở thể bị động khi muốn nhấn mạnh hành động hơn là người thực hiện. Ví dụ: "The file is opened by the program" (Tập tin được mở bởi chương trình) thay vì "The program opens the file" (Chương trình mở tập tin).

- Sử dụng động từ ở thể hiện tại đơn khi muốn diễn tả một sự thật hay một quy luật chung. Ví dụ: "A variable stores a value" (Một biến lưu trữ một giá trị) thay vì "A variable will store a value" (Một biến sẽ lưu trữ một giá trị).

- Sử dụng động từ ở thể hiện tại tiếp diễn khi muốn diễn tả một hành động đang xảy ra trong quá trình lập trình. Ví dụ: "The compiler is checking the syntax" (Trình biên dịch đang kiểm tra cú pháp) thay vì "The compiler checks the syntax" (Trình biên dịch kiểm tra cú pháp).

- Sử dụng động từ ở thể quá khứ đơn khi muốn diễn tả một hành động đã xong trong quá khứ. Ví dụ: "The program ran without errors" (Chương trình chạy không có lỗi) thay vì "The program runs without errors" (Chương trình chạy không có lỗi).

- Sử dụng động từ ở thể quá khứ hoàn thành khi muốn diễn tả một hành động đã xong trước một hành động khác trong quá khứ. Ví dụ: "The program had crashed before I could save the file" (Chương trình đã bị lỗi trước khi tôi có thể lưu tập tin) thay vì "The program crashed before I could save the file" (Chương trình bị lỗi trước khi tôi có thể lưu tập tin).